

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 17-3-2021

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hải Âu.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà H' Thủy Bon Jốc Ju và ông Hồ Quang Hiến.

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Tống Mạnh C – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 142/2020/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 11 năm 2020, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Vi Thị T, sinh năm 1987 - Có mặt.

*Địa chỉ:* Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Đắk Nông.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Duy C, sinh năm 1983 - Vắng mặt.

*Địa chỉ:* Thôn E, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 09/11/2021, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:*

Chị Vi Thị T và anh Nguyễn Duy C kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, huyện N. Hôn nhân của chị T và anh C là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, cuộc sống giữa chị T và anh C không hạnh phúc, thường nảy sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, anh C không có trách nhiệm với gia đình. Chị T và anh C hiện đã sống ly thân. Chị T cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh C. Do đó, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C.

*Về con chung:* Chị Vi Thị T và anh Nguyễn Duy C có 02 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 28/5/2013 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 01/8/2019. Chị T có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con đến khi đủ 18 tuổi và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi con là 500.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn anh Nguyễn Duy C trình bày:* Anh Nguyễn Duy C thừa nhận anh và chị T kết hôn và tình trạng mâu thuẫn và về con chung giống như chị Vi Thị T trình bày. Hiện nay, anh và chị T không còn sống chung với nhau, anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị Vi Thị T. Trước yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T, về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Vi Thị T.

*Về con chung:* Anh C đồng ý giao 02 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 28/5/2013 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 01/8/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng theo yêu cầu của chị T.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Vi Thị T giữ nguyên quan điểm của mình. Anh Nguyễn Duy C có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Tuyên bố chị Vi Thị T và anh Nguyễn Duy C chấm dứt quan hệ hôn nhân (ly hôn).

*Về con chung:* Giao cho chị Vi Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Đức T1, sinh ngày 28/5/2013 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 01/8/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

*Về cấp dưỡng:* Buộc anh Nguyễn Duy C cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 28/5/2013 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 01/8/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); trích lục giấy khai sinh cháu Nguyễn Duy H; Giấy khai sinh cháu Nguyễn

Đức T1 (Bản sao y chứng thực); Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao y chứng thực); Chứng minh nhân dân của chị Vi Thị T và anh Nguyễn Duy C (Đều là bản sao y chứng thực).

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Vi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn là anh Nguyễn Duy C có nơi cư trú tại thôn E, xã D, huyện N, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Duy C vắng mặt, tuy nhiên anh C đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt (BL 23). Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Nguyễn Duy C kết hôn năm 2013 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 16/01/2013. Như vậy, theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C là hợp pháp.

Xét yêu cầu của chị T xin được ly hôn với anh C, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh C đều thừa nhận trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn và hiện đã ly thân. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện “*Trong quá trình chung sống với anh C, chị T thường xuyên bỏ nhà đi, hiện nay anh C, chị T không còn sống chung với nhau*”. Điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C cũng đồng ý ly hôn chị T nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho chị Vi Thị T ly hôn anh Nguyễn Duy C.

[2.2]. Về con chung: Chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 28/5/2013 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 01/8/2019 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, sau khi anh C và chị T ly thân thì các con sống cùng chị T cho đến nay. Chị T là giáo viên, có thu nhập ổn định có thể đảm bảo đầy đủ quyền lợi về mọi mặt của con. Anh C cũng đồng ý giao 02 con cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng

giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu Nguyễn Đức T1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Hội đồng xét xử thấy rằng, giao con chung cho chị T chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi là phù hợp nguyện vọng của các bên; phù hợp với nguyện vọng của cháu Trọng và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh C đồng ý cấp dưỡng nuôi 02 con hàng tháng, tuy nhiên anh C không đưa ra mức cấp dưỡng cụ thể là bao nhiêu. Xét việc chị T yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi 02 con chung hàng tháng, mỗi con là 500.000 đồng/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn chị Vi Thị T và anh Nguyễn Duy C có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí : Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Vi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Duy C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Vi Thị T.

1. Về hôn nhân: Chị Vi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy C.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 28/5/2013 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 01/8/2019 cho chị Vi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Duy C có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở anh C thực hiện quyền này.

Trong trường hợp anh Nguyễn Duy C lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì chị Vi Thị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Nguyễn Duy C.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi cần thiết.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Đức T1, sinh ngày 28/5/2013 và cháu Nguyễn Duy H, sinh ngày 01/8/2019. Mức cấp dưỡng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/tháng/cháu, phương thức cấp dưỡng hàng tháng vào ngày 15 (dương lịch), thời gian cấp dưỡng: từ tháng 4/2021 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Việc chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng sẽ được thực hiện theo quy định tại điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

4. Về án phí: Buộc chị Vi Thị T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị T đã nộp. Hoàn trả chị Vi Thị T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí còn lại theo biên lai số 0003942, ngày 09 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Buộc anh Nguyễn Duy C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô (02 bản);
- Chi cục THADS H. Krông Nô;
- UBND xã D;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký và đóng dấu)**

**Nguyễn Thị Hải Âu**